

DANH SÁCH THI SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:**
Môn thi: Kỹ năng nói **Ca thi:** 13h00 **Ngày thi:** 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Điểm	Điểm chữ	Ký tên
1	TA70235	20810830214	Bùi Văn	Anh	11/06/2002			
2	TA70236	20810430167	Đặng Thái	Anh	13/04/2002			
3	TA70237	20810810015	Hoàng Minh	Anh	13/02/2002			
4	TA70238	20810340224	Nguyễn Đức	Anh	26/04/2002			
5	TA70239	19810310291	Nguyễn Hải	Anh	24/11/2001			
6	TA70240	20810720002	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/11/2002			
7	TA70241	21810230046	Phạm Đức	Anh	08/09/2003			
8	TA70242	19810000009	Trịnh Việt	Anh	12/10/2001			
9	TA70243	21810810198	Bùi Thị Ngọc	Ánh	07/10/2003			
10	TA70244	19810170136	Hoàng Công	Bảo	17/10/2001			
11	TA70245	20810160505	Kim Ngọc	Bảo	11/08/2002			
12	TA70246	20810810139	Lê Thị	Chang	12/11/2002			
13	TA70247	20810000370	Phạm Linh	Chi	25/06/2002			
14	TA70248	20810810092	Lê Gia	Chính	01/08/2002			
15	TA70249	20810430260	Nguyễn Thành	Công	12/09/2002			
16	TA70250	2162010024	Trịnh Kiên	Cường	10/01/1989			
17	TA70251	21810110165	Bùi TriNh	ĐạT	01/05/2003			
18	TA70252	19810310665	Nguyễn Thành	Đạt	22/04/2001			
19	TA70253	22810430357	Nguyễn Trọng	Đạt	16/05/2004			
20	TA70254	21810810197	Trịnh Thị Ngọc	Diệp	18/12/2003			
21	TA70255	20810720014	Vũ Đại	Đoàn	05/09/2002			
22	TA70256	20810410061	Nguyễn Mạnh	Đức	16/09/2002			
23	TA70257	20810160452	Nguyễn Văn	Đức	20/07/2002			
24	TA70258	20810430297	Phạm Văn	Đức	21/08/2002			
25	TA70259	20810420026	Đỗ Trí	Dũng	02/04/2002			
26	TA70260	19810420034	Nguyễn Mạnh	Dũng	22/04/2001			
27	TA70261	19810310084	Vũ Mạnh	Dũng	14/03/2001			
28	TA70262	19810710074	Nguyễn Hoàng	Dương	17/07/2001			
29	TA70263	20810110175	Ngô Văn	Duy	13/03/2002			
30	TA70264	20810160520	Hồ Thị Hương	Giang	25/03/2002			
31	TA70265	20810310385	Nguyễn Quốc	Hà	20/09/2002			
32	TA70266	19810310325	Bùi Hoàng	Hải	03/09/2001			
33	TA70267	21810810200	Bùi Thị Thu	Hằng	24/11/2003			
34	TA70268	19810310147	Phan Doãn	Hào	09/04/2001			
35	TA70269	21810710143	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/10/2003			
36	TA70270	20810620039	Nguyễn Văn	Hiệp	20/07/2002			
37	TA70271	20810160531	Đỗ Trung	Hiếu	23/06/2002			
38	TA70272	20810830206	Nguyễn Trung	Hiếu	13/12/2002			
39	TA70273	19810310373	Vũ Minh	Hiếu	07/04/2001			
40	TA70274	20819110106	Đô Xuân	Hòa	24/01/2002			

41	TA70275	19810310086	Trần Việt	Hoàn	20/06/2001			
42	TA70276	20810000243	Nguyễn Minh	Hoàng	19/02/2002			
43	TA70277	21810810317	Phạm Thị Mai	Hồng	19/08/2003			
44	TA70278	20810810101	Nguyễn Thị Kim	Huế	17/12/2002			
45	TA70279	20810420046	Nguyễn Mạnh	Hùng	29/04/2002			
46	TA70280	19810550168	Nguyễn Văn	Hưng	09/05/2001			
47	TA70281	20810540031	Dương Gia	Huy	22/06/2002			
48	TA70282	19810310025	Nguyễn Đức	Huy	06/05/2001			
49	TA70283	20810430264	Trần Quang	Huy	11/03/2002			
50	TA70284	20810000059	Ngô Thanh	Huyền	19/07/2002			
51	TA70285	21810850377	Nguyễn Thu	Huyền	28/05/2003			
52	TA70286	20810430219	Nông Thạch	Huỳnh	25/06/2002			
53	TA70287	20810170383	Nguyễn Đăng	Khôi	20/02/2002			
54	TA70288	20810110184	Đỗ Trung	Kiên	19/02/2002			
55	TA70289	20810110290	Nguyễn Văn	Lâm	14/10/2002			
56	TA70290	20810310371	Phùng Thị Phương	Lan	01/11/2001			
57	TA70291	20810000500	Nguyễn Thị	Lành	12/08/2002			
58	TA70292	19810170330	Mai Hữu Nhất	Linh	28/11/2001			
59	TA70293	19810000016	Nguyễn Thị Kiều	Linh	05/03/2001			
60	TA70294	19810510012	Nguyễn Văn	Linh	14/08/2001			
61	TA70295	2162010031	Doãn Thị	Loan	05/01/1992			
62	TA70296	18810310208	Nguyễn Hiệp	Lộc	02/08/2000			
63	TA70297	20810850008	Đổng Trọng	Long	13/02/2002			
64	TA70298	19810310054	Nguyễn Duy	Long	09/05/2001			
65	TA70299	20810160558	Phạm Quang	Long	14/10/2002			
66	TA70300	20810000144	Nguyễn Thảo	Ly	06/10/2002			
67	TA70301	20810810153	Nguyễn Ngọc	Mai	14/07/2002			
68	TA70302	19810110356	Lê Bình	Minh	20/10/2001			
69	TA70303	20810430237	Nguyễn Quang	Minh	16/07/2002			
70	TA70304	18810310343	Trần Đức	Minh	30/12/2000			
71	TA70305	18810420241	Đinh Hoài	Nam	26/11/2000			
72	TA70306	20810000364	Ngô Thanh	Nga	03/04/2002			
73	TA70307	21810810307	Ngô Thị Minh	Ngọc	02/08/2003			
74	TA70308	20810850035	Đỗ Yên	Nhi	05/06/2002			
75	TA70309	20810000310	Chu Thị Hồng	Nhung	22/08/2002			
76	TA70310	19810710009	Lê Hồng	Phong	25/05/2001			
77	TA70311	19810310142	Trần Lệnh	Phú	15/04/2001			
78	TA70312	20810110152	Đoàn Anh	Phương	11/11/2002			
79	TA70313	22810860090	Trần Ngọc Anh	Phương	06/11/2003			
80	TA70314	20810310037	Mai Hồng	Quân	11/03/2002			
81	TA70315	19810310596	Nguyễn Minh	Quân	28/12/2001			
82	TA70316	20810230055	Lê Minh	Quang	08/10/2002			
83	TA70317	20810230083	Trần Tất	Quang	21/03/2002			
84	TA70318	19810430011	Trần Anh	Quốc	01/04/2001			
85	TA70319	2162010037	Trần Thị Hồng	Quỳnh	24/06/1980			
86	TA70320	19810110011	Vũ Tiến	Tài	04/04/2001			
87	TA70321	20810110174	Đoàn Quốc	Thái	20/10/2002			
88	TA70322	2162010045	Lê Văn	Thắng	10/04/1992			
89	TA70323	20810160532	Vũ Chiến	Thắng	30/04/2002			
90	TA70324	20810420044	Chu Tuấn	Thành	05/03/2002			

91	TA70325	20810710246	Ngô Đức	Thành	02/11/2002			
92	TA70326	19810430032	Nguyễn Trí	Thành	09/09/2001			
93	TA70327	19810710062	Đỗ Phương	Thảo	10/02/2001			
94	TA70328	18810000137	Nguyễn Đức	Thiem	21/10/1999			
95	TA70329	19810310667	Trần Văn	Thịnh	22/12/2001			
96	TA70330	20810810110	Nguyễn Thị	Thúy	08/10/2002			
97	TA70331	22810260150	Hoàng Thuý	Tiên	19/07/2003			
98	TA70332	20810850065	Lê Thanh	Trà	21/01/2002			
99	TA70333	21810850376	Lê Thanh	Trang	15/09/2003			
100	TA70334	20810850050	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/05/2002			
101	TA70335	20810810112	Thân Phương	Trang	01/04/2002			
102	TA70336	20810850027	Trần Đức	Triều	10/02/2002			
103	TA70337	20810430393	Nguyễn Thanh	Trúc	23/09/2002			
104	TA70338	20810430193	Trần Quang	Trường	10/10/2002			
105	TA70339	19810610086	Phạm Đức	Tuân	14/05/2001			
106	TA70340	20810310487	Đặng Minh	Tuấn	22/05/2002			
107	TA70341	19810310227	Phạm Anh	Tuấn	11/01/2001			
108	TA70342	18810310104	Trần Ngọc	Tuấn	18/07/2000			
109	TA70343	18810640002	Bạch Tiến	Tùng	28/08/2000			
110	TA70344	20810430262	Vũ Gia	Tùng	20/07/2002			
111	TA70345	20810170348	Đỗ Quang	Ty	19/12/2001			
112	TA70346	20810310483	Lê Tuấn	Vũ	25/01/2002			
113	TA70347	19810310453	Trần Đình Minh	Vương	17/10/2001			
114	TA70348	18810810250	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	20/02/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THI SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi:
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Điểm	Điểm chữ	Ký tên
1	TA70349	20810830183	Cần Thị Lan	Anh	16/11/2002			
2	TA70350	21810860435	Đào Thị Ngọc	Anh	16/02/2003			
3	TA70351	20810430371	Lê Hoàng	Anh	22/09/2002			
4	TA70352	20810720013	Nguyễn Hà Đức	Anh	22/02/2001			
5	TA70353	20810830234	Nguyễn Hải	Anh	15/04/2002			
6	TA70354	20810160511	Nguyễn Việt	Anh	21/11/2002			
7	TA70355	20810110200	Phạm Tùng	Anh	19/09/2002			
8	TA70356	20810430330	Trương Quỳnh	Anh	18/12/2002			
9	TA70357	21810230481	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	10/06/2003			
10	TA70358	20810420050	Đinh Gia	Bảo	19/07/2002			
11	TA70359	20810000412	Hoàng Hiếu	Bình	25/08/2002			
12	TA70360	21810810056	Nguyễn Quỳnh	Chi	08/07/2003			
13	TA70361	18810310164	Trần Minh	Chiến	29/05/2000			
14	TA70362	20810110208	Phạm Công	Chức	19/10/2002			
15	TA70363	19810540121	Phạm Biên	Cương	16/08/2001			
16	TA70364	20810410110	Lê Đức Minh	Danh	20/02/2002			
17	TA70365	20810420084	Lê Thành	Đạt	13/10/2002			
18	TA70366	21810710441	Nguyễn Thành	Đạt	10/02/2003			
19	TA70367	20810310468	Phạm Trí	Đạt	01/10/2002			
20	TA70368	20810000384	Nguyễn Thu	Điệp	30/03/2002			
21	TA70369	20810420116	Lê Minh	Đức	05/12/2002			
22	TA70370	19810110046	Nguyễn Tài	Đức	13/05/2001			
23	TA70371	19810430019	Phạm Hoàng Anh	Đức	20/09/2001			
24	TA70372	2162010027	Nguyễn Thị Thanh	Dung	02/11/1991			
25	TA70373	19810310501	Lê Tuấn	Dũng	02/11/2001			
26	TA70374	21810410080	Nguyễn Trọng	Dũng	21/10/2003			
27	TA70375	20810830205	Hàn Thị Thùy	Dương	07/11/2002			
28	TA70376	20810160491	Đào Khánh	Duy	03/02/2002			
29	TA70377	19810620051	Nguyễn Văn	Duy	17/04/2001			
30	TA70378	21810850418	Nguyễn Thị	Giang	04/01/2003			
31	TA70379	20810810060	Phạm Thu	Hà	25/12/2002			
32	TA70380	19810430049	Đặng Tiến	Hải	23/10/2001			
33	TA70381	21810230463	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	03/09/2003			
34	TA70382	22819120020	Nguyễn Hải	Hậu	07/10/2004			
35	TA70383	20810410083	Lê Tuấn	Hiệp	17/09/2002			
36	TA70384	Thí sinh dự thi	Bùi Đình	Hiếu	10/06/1989			
37	TA70385	20810430375	Nguyễn Đình	Hiếu	28/01/2002			
38	TA70386	20810840021	Nguyễn Trung	Hiếu	30/11/2002			
39	TA70387	19810110188	Nguyễn Văn	Hiệu	01/01/2001			
40	TA70388	20810420016	Phan Văn	Hòa	06/09/2002			

41	TA70389	19810310257	Dương Việt	Hoàng	20/09/2001			
42	TA70390	20810000358	Phạm Việt	Hoàng	04/02/2002			
43	TA70391	20810230112	Vũ Minh	Huân	23/10/2002			
44	TA70392	20810710209	Vũ Thanh	Huế	21/08/2002			
45	TA70393	20810110198	Đặng Mạnh	Hưng	16/10/2002			
46	TA70394	19810310119	Phan Đình	Hưng	08/11/2001			
47	TA70395	22810540295	Nguyễn Đình	Huy	12/07/2004			
48	TA70396	20810160555	Nguyễn Quang	Huy	02/09/2002			
49	TA70397	19810310332	Trần Quang	Huy	15/07/2001			
50	TA70398	20810000178	Nguyễn Thị	Huyền	12/12/2002			
51	TA70399	19810710024	Phạm Khánh	Huyền	11/09/2001			
52	TA70400	20810160500	Đỗ Đức	Khánh	16/03/2002			
53	TA70401	2162010030	Vũ Duy	Khôi	21/03/1996			
54	TA70402	19810420272	Lê Trung	Kiên	13/07/2001			
55	TA70403	19810110381	Vũ Tùng	Lâm	22/06/2001			
56	TA70404	19810310337	Trần Quốc	Lân	26/04/2001			
57	TA70405	20810820052	Đoàn Hương	Lệ	09/06/2002			
58	TA70406	21810830233	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002			
59	TA70407	20810850005	Nguyễn Thùy	Linh	30/12/2001			
60	TA70408	21810850388	Trần Thị Khánh	Linh	07/06/2003			
61	TA70409	20810810117	Vũ Thị	Loan	03/06/2002			
62	TA70410	18810340068	Nguyễn Thành	Lộc	06/11/2000			
63	TA70411	20810810157	Lã Thành	Long	10/01/2002			
64	TA70412	20810620044	Nguyễn Văn	Long	29/03/2002			
65	TA70413	20810830225	Nguyễn Ngọc	Luân	19/11/2002			
66	TA70414	20810000141	Đào Thị Hồng	Lý	08/10/2002			
67	TA70415	20810420107	Hoàng Tiên	Mạnh	22/04/2002			
68	TA70416	20810430152	Lương Đức	Minh	16/03/2002			
69	TA70417	21810710153	Nguyễn Quang	Minh	03/09/2003			
70	TA70418	20810110147	Trương Xuân	Minh	01/03/2002			
71	TA70419	20810430238	Nguyễn Tài	Năng	16/03/2024			
72	TA70420	20810810182	Nguyễn Thị	Ngân	21/08/2002			
73	TA70421	20810830210	Nguyễn Quỳnh	Ngọc	26/05/2002			
74	TA70422	20810850049	Trần Linh	Nhi	26/08/2002			
75	TA70423	20810830201	Phan Hồng	Nhung	24/07/2002			
76	TA70424	19810230072	Nguyễn Hữu	Phong	03/03/2001			
77	TA70425	19810430201	Mạc Duy	Phúc	15/11/2001			
78	TA70426	20810850043	Nguyễn Thị	Phương	28/11/2002			
79	TA70427	20810110179	Đặng Anh	Quân	19/05/2002			
80	TA70428	20810000065	Mai Trần Trung	Quân	10/11/2002			
81	TA70429	19810310353	Trịnh Anh	Quân	06/08/2001			
82	TA70430	19810310323	Ngô Xuân	Quang	12/05/2001			
83	TA70431	20810710255	Trịnh Minh	Quang	22/12/2002			
84	TA70432	20810160476	Phạm Minh	Quyết	11/06/2002			
85	TA70433	19810230034	Nguyễn Vũ Trường	Sơn	25/01/2001			
86	TA70434	19810420291	Vũ Công	Tân	19/05/2001			
87	TA70435	19810110138	Lê Minh	Thắng	27/05/2001			
88	TA70436	19810310385	Lưu Quang	Thắng	03/11/2001			
89	TA70437	21810440687	Lê Đức	Thanh	06/08/2003			
90	TA70438	19810310092	Khổng Trung	Thành	10/04/2001			

91	TA70439	20810110167	Nguyễn Đại	Thành	12/03/2002			
92	TA70440	19810310333	Phạm Xuân	Thành	28/10/1998			
93	TA70441	18810340008	Lê Thu	Thảo	26/08/2000			
94	TA70442	20810110206	Nguyễn Huy Hoài	Thịnh	21/01/2002			
95	TA70443	19810230056	Trần Văn	Thịnh	28/07/2000			
96	TA70444	19810310554	Trần Thị	Thùy	24/10/2001			
97	TA70445	19810230008	Nguyễn Văn	Tiến	01/01/2001			
98	TA70446	20810830190	Lê Thị Bảo	Trân	17/09/2002			
99	TA70447	20810340211	Lê Thị Thùy	Trang	15/03/2002			
100	TA70448	22810810090	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/06/2004			
101	TA70449	20810820015	Từ Hà	Trang	07/01/2002			
102	TA70450	20810830186	Đàm Kiều	Trinh	03/06/2002			
103	TA70451	20810710181	Vũ Việt	Trung	11/04/2002			
104	TA70452	21810230510	Nguyễn Phước	Tú	05/10/2003			
105	TA70453	20810110155	Phùng Anh	Tuân	06/06/2002			
106	TA70454	20810110207	Nguyễn Anh	Tuấn	13/01/2002			
107	TA70455	21810620007	Phạm Minh	Tuấn	27/06/2003			
108	TA70456	20810110162	Trịnh Duy Anh	Tuấn	10/09/2002			
109	TA70457	20810230105	Đinh Lâm	Tùng	24/05/2002			
110	TA70458	19810310287	Phan Trọng	Tuyên	02/08/2001			
111	TA70459	20810000375	Chu Mỹ	Uyên	01/08/2002			
112	TA70460	18810310326	Lê Văn	Vương	16/12/2000			
113	TA70461	19810310085	Mai Việt	Vương	07/07/2001			
114	TA70462	20810430275	Nguyễn Văn	Xuân	07/10/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)